

Số: **219/2020/VKDTM-PT**

Ngày: 15/12/2020

V/v: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết
của Đại hội đồng cổ đông.

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KINH DOANH THƯƠNG MẠI
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng phiên họp phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình

Ông Nguyễn Thái Sơn

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Trần Chí Thành -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc kinh doanh thương mại thụ lý số 220/2020/TLPT-KDTM ngày 14/10/2020 về việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm số 624/2020/QĐ-PH ngày 18/11/2020, Quyết định hoãn phiên họp số 642/2020/QĐ-HPH ngày 01/12/2020 giữa:

- Người yêu cầu: Tổng công ty L – Công ty cổ phần

Địa chỉ: phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc K – Tổng giám đốc và ông Phí Mạnh C – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phong L, bà Nguyễn Thị Kiều D, bà Nguyễn Thu H – Cán bộ; bà L, bà D, bà H đều có mặt

(Theo Giấy ủy quyền 237/GUQ ngày 06/3/2020)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty L1

Địa chỉ: phố N, phường N, quận H, thành phố Hà Nội

Văn phòng giao dịch: phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị C – Chủ tịch Hội đồng quản

trị

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Tiến M – Tổng giám đốc; có mặt

(Theo Giấy ủy quyền số 51/UQ ngày 29/8/2020);

2. Bà Phạm Thị Ngọc T. Địa chỉ: phường N, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt

(Theo Giấy ủy quyền ngày 12/5/2020);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty L1: Bà Phan Thị Lam H và ông Nguyễn Đức T, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; bà H vắng mặt; ông T có mặt

NỘI DUNG VỤ VIỆC

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, người yêu cầu cầu trình bày:

Tổng công ty L là cổ đông của Công ty L1, sở hữu 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ngày 29/6/2016 Công ty L1 tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, tham dự cuộc họp có 03 cổ đông đại diện cho 1.782.540 cổ phần trên tổng số 1.800.000 cổ phần chiếm 99,3 % số cổ đông có quyền biểu quyết của công ty. Tại cuộc họp các cổ đông đã thông qua Nghị quyết 03/2016/NQ-ĐHCD ngày 29/6/2016. Việc thông qua một số nội dung tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

- Thứ nhất, Công ty L1 đã tiến hành triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014 “*Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính*”. Trên thực tế, ngày 29/6/2016 Công ty L1 mới tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên. Như vậy công ty đã tổ chức chậm hơn so với quy định của pháp luật 02 tháng. Trong khi đó Công ty không có văn bản đề nghị gia hạn gửi tới cơ quan đăng ký kinh doanh để xin chấp nhận gia hạn.

- Thứ hai, Nghị quyết số 03/2016/NQ-ĐHCD ngày 29/6/2016 thông qua khi chưa có đủ số phiếu tán thành, cụ thể Đại hội đã thông qua 02 nội dung với tổng số phiếu tán thành là 69,7%.

Nội dung tại Điều 5: Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty theo Luật doanh nghiệp năm 2014.

Nội dung tại Điều 6: Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 18 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh bất động sản.

Theo Điều 14 Điều lệ Công ty năm 2010 về điều kiện để Nghị quyết được thông qua các nội dung này chỉ được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp chấp thuận “ *Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận*”

Điều lệ Công ty năm 2015 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015 theo Nghị quyết số 06/2015/NQ – ĐHĐCĐ ngày 18/12/2015 (tỷ lệ biểu quyết thông qua tại cuộc họp là 65%), tuy nhiên Tổng công ty đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Nghị quyết này. Vì vậy các nội dung của cuộc họp được biểu quyết thông qua phải căn cứ vào Điều lệ Công ty năm 2010 là Điều lệ có hiệu lực gần nhất, căn cứ Điều 14 Điều lệ này thì tỷ lệ thông qua là 75%, như vậy hai nội dung trên chưa đủ tỷ lệ tán thành là 75% để được thông qua.

Ngay sau khi nhận được biên bản họp và Nghị quyết số 03/NQ- ĐHCĐ, ngày 08/7/2016 Tổng công ty L đã gửi 2 văn bản đến Sở kế hoạch đầu tư thể hiện quan điểm không nhất trí với Nghị quyết 03/NQ- ĐHCĐ ngày 29/6/2016 của Công ty L1. Việc Tổng công ty L khẳng định việc Tổng công ty có đăng ký mua cổ phần phát hành thêm theo thông báo số 61/2916 ngày 01/7/2016 không đồng nghĩa với việc Tổng công ty thừa nhận tính hợp pháp của Nghị quyết 03 nói trên, hành động này của Tổng công ty là tuân theo khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2014 “*Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điều 147 của Luật này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác...*” và cũng nhằm bảo toàn tỷ lệ sở hữu cổ phần của Tổng công ty tại Công ty L1.

Với những lý do trên, Tổng công ty L đề nghị Tòa án giải quyết hủy một phần Nghị quyết số 03/2016/NQ – ĐHCĐ ngày 29/6/2016 của Công ty L1, cụ thể là hủy Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Công ty L1 không đồng ý với yêu cầu của Tổng công ty L đề nghị hủy một phần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29/6/2016 bởi các lý do sau:

- Về tỷ lệ biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Tại khoản 1 điều 212 luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 170 của Luật doanh nghiệp số 37/2013 ngày 20/6/2013 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày luật này có hiệu lực trừ các trường hợp sau:

a/ Đối với công ty TNHH thành lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật, thời hạn góp vốn thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty;

b/ Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ vốn điều lệ phải thực hiện tái cơ cấu để đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 189 của Luật này trước ngày 01/7/2017;

c/ Các Công ty không có cổ phần hoặc phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ thực hiện góp vốn, mua cổ phần trước ngày 01/7/2015 không phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 189 của Luật này nhưng không được tăng tỷ lệ sở hữu chéo.

Ngoài các trường hợp loại trừ trên, các trường hợp khác sẽ có hiệu lực thi hành ngay sau khi Luật doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực. Công ty L1 không thuộc trường hợp được loại trừ theo quy định nêu trên, do đó về nguyên tắc, Điều lệ Công ty không được trái quy định của pháp luật, những điều khoản nào được quy định trong điều lệ cũ theo Luật doanh nghiệp 2005 trái với quy định của Luật doanh nghiệp 2014 là vô hiệu thì phải áp dụng theo Luật doanh nghiệp 2014. Đối chiếu với quy định tại điều 144 Luật doanh nghiệp 2014 thì '*Nghị quyết về loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại, thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định, tổ chức lại, giải thể Công ty; các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định*' được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành. Như vậy tỷ lệ thông qua các nội dung tại điều 5, điều 6 Nghị quyết 03/2016 tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 29/6/2016 là 69,7% là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về việc thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty theo Luật doanh nghiệp 2014, Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015 nên việc sửa đổi điều lệ Công ty là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty L1 từ 18 tỷ lên 20 tỷ đồng là phù hợp với quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh bất động sản, việc tăng vốn điều lệ phù hợp với quy định tại điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014, Nghị định 76/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện kinh doanh bất động sản phải có vốn pháp định không thấp hơn 20 tỷ đồng. Ngoài ra Điều 8 luật Doanh nghiệp 2014 thì Công ty có nghĩa vụ đáp ứng

đủ điều kiện kinh doanh khi ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư...Hiện Công ty đăng ký kinh doanh mã ngành bất động sản, do đó để được kinh doanh ngành nghề này Công ty phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ theo quy định. Việc tăng vốn điều lệ của Công ty là cần thiết do tình hình tài chính của Công ty vô cùng khó khăn, nguy cơ phá sản, việc tăng vốn điều lệ để công ty duy trì hoạt động là nguyện vọng, đảm bảo quyền lợi ích của cổ đông trong công ty.

Trên thực tế cổ đông Tổng công ty L cũng đã nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm để tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Ngay sau khi Nghị quyết Đại hội cổ đông số 03/2016/NQ – ĐHĐCĐ ngày 29/6/2019 được ban hành tất cả các cổ đông trong công ty đã nộp tiền vào tài khoản của công ty để tăng vốn điều lệ, do vậy công ty phải thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ theo đúng số vốn thực tế mà các cổ đông đã đóng góp.

Do vậy, Công ty L1 không đồng ý với yêu cầu của Tổng công ty L về việc hủy một phần Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2016.

Tại Quyết định giải quyết việc kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty L - Công ty CP về việc hủy bỏ một phần Nghị quyết số 03/2016 – ĐHĐCĐ ngày 29/6/2016 của Công ty CP thương mại L1.

Hủy bỏ Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 03/2016 - ĐHĐCĐ ngày 29/6/2016 của Công ty L1.

Ngoài ra Quyết định của Tòa cấp sơ thẩm còn quyết định về tiền lệ phí và quyền kháng cáo.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Công ty L1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ quyết định giải quyết việc kinh doanh thương mại ngày 24/8/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm với lý do:

-Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng không tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, nên đã vi phạm điểm c khoản 1 Điều 259, Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự; không tạm đình chỉ vụ việc.

-Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng không đình chỉ vụ án kinh doanh thương mại do đã hết thời hiệu yêu cầu, Đơn khởi kiện của Tổng công ty L ngày 21/9/2016 gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội không có thẩm quyền giải quyết, sai quan hệ pháp luật, vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 và Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Điều 5, Điều 6 nghị quyết 03/2016 Đại hội đồng cổ đông của Công ty L1 là đúng với quy định tại Luật doanh nghiệp.

Tại phiên họp phúc thẩm:

Bên yêu cầu: Đề nghị Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên quyết định giải quyết việc kinh doanh thương mại của Tòa án cấp sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đề nghị Hội đồng phúc thẩm hủy toàn bộ Quyết định giải quyết việc kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc đã kết luận: Thời hiệu khởi kiện yêu cầu hủy Nghị quyết đại hội đồng cổ đông vẫn còn; không có căn cứ để xem xét chấp nhận kháng cáo của người liên quan. Đề nghị bác kháng cáo của Công ty L1, giữ nguyên quyết định của Tòa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào ý kiến trình bày tại phiên họp. Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty L1 trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng lệ phí phúc thẩm nên hợp lệ.

Tổng công ty L đề nghị Tòa án xem xét hủy một phần nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty L1. Xét đây là việc kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công ty L1 có địa chỉ tại phường N, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo:

2.1. Về thủ tục tố tụng:

+ Công ty L1 cho rằng: Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng không tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, đã vi phạm điểm c khoản 1 Điều 259, Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng phúc thẩm xét thấy: Theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không bắt buộc Tòa án phải tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, chứng cứ. Do đó Công ty L1 kháng cáo là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

+ Công ty L1 cho rằng: Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng không tạm đình chỉ vụ án kinh doanh thương mại khi có căn cứ tại Công văn số 4715/CSKT-P15 ngày 10/08/2020 của Cục cảnh sát Điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, chức vụ có nội dung: “Điều tra, xác minh làm rõ dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quản lý sử dụng đất tại Tổng công ty L” là không đúng.

Hội đồng phúc thẩm nhận thấy: Xét nội dung công văn 4715/CSKT-P15 ngày 10/08/2020 của Cục cảnh sát Điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, chức vụ không liên quan và không có tính chất quan hệ nhân quả quyết định đến quá trình giải quyết việc kinh doanh thương mại về hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông mà Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đang giải quyết. Do đó, kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng không ra quyết định tạm đình chỉ là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

2.2. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 29/6/2016 Công ty L1 đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và ban hành Nghị quyết số 03/2016/NQ -ĐHČĐ.

Ngày 08/7/2016, Tổng công ty L nhận được biên bản họp và Nghị quyết số 03/2016/NQ-ĐHČĐ ngày 29/6/2016 của Công ty L1.

Ngày 21/9/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã nhận được đơn khởi kiện của Tổng công ty L.

Ngày 10/10/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có Thông báo 20/TB –HCTP về việc chuyển đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo đơn đến Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xem xét và giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 18/10/2016 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng nhận được đơn khởi kiện của Tổng công ty L do Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chuyển đến.

Ngày 26/10/2016 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã ra Thông báo yêu cầu Tổng công ty L sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện.

Ngày 23/3/2020 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã thụ lý vụ án trên.

Hội đồng phúc thẩm xét thấy:

Tại Điều 147 Luật doanh nghiệp quy định “ Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu...cổ đông, nhóm cổ đông... có quyền yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của đại hội cổ đông...”. Theo đó Tổng công ty L sở hữu 30% tổng số cổ phần phổ thông, thì thời hiệu Tổng công ty L có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần Nghị quyết của ĐHČĐ đến ngày 08/10/2016.

Ngày 20/09/2016, Tổng công ty đã có Đơn khởi kiện về việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết trên ra Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (Thông báo số 20/TB-HCTP ngày 10/10/2016).

Do đó, Tổng công ty L thực hiện khởi kiện yêu cầu hủy Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoàn toàn trong thời hiệu pháp luật quy định. Ngoài ra, việc Tổng công ty gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xác định và chuyển đơn đến Tòa án có thẩm quyền đúng theo quy định của pháp luật (điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015). Đảm bảo việc khởi kiện trong thời hiệu theo quy định.

Ngày 21/9/2016 Tổng công ty L khởi kiện yêu cầu hủy Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 03/NQ ngày 29/6/2016 của Công ty L1, Tổng công ty L đã cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện trong đó bao gồm đơn yêu cầu 07/11/2016 là phù hợp với Điều 190; 191; 193 Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với Điều 14.7 Điều lệ Công ty L1 năm 2010.

2.3. Về nội dung Nghị quyết số 03/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2016 của Đại hội đồng cổ đông Công ty L1.

Tổng công ty L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy nội dung tại Điều 5: “ Thông qua điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014” và Điều 6: “ Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 18 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh bất động sản...” của Nghị quyết số 03/2016/NQ – ĐHCĐ ngày 29/6/2016 của Công ty L1.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/6/2016 của Công ty L1, tại mục VII thông qua các nội dung Đại hội, ở phần VII.5: Thông qua Điều lệ sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và phần VII.6: Thông qua tăng vốn Điều lệ Công ty có kết quả biểu quyết tán thành đều đạt tỷ lệ là 69,7% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

Trước đó, tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2015 của Công ty L1, với sự tán thành đạt 69,7 % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, Công ty L1 đã ra Nghị quyết số 06/2015/NQ ngày 18/12/2015 thông qua Điều lệ sửa đổi tỷ lệ biểu quyết từ 75% xuống còn 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp.

Sau đó, Tổng công ty L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy nghị quyết 06/2015/NQ ngày 18/12/2015. Tại bản án sơ thẩm số 23/2016/KDTM - ST ngày 21/6/2016 của TAND TP Hà Nội và bản án phúc thẩm số 289/2017/KDTM ngày 11/10/2017 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã tuyên hủy Nghị quyết số 06/2015 ngày 18/12/2015 do Nghị quyết đó được thông qua không hợp lệ.

Như vậy, theo quy định của Luật doanh nghiệp thì tại thời điểm tổ chức Đại hội cổ đông năm 2016, Điều lệ Công ty năm 2010 vẫn có hiệu lực pháp luật.

Điều 14.6.2 Điều lệ Công ty năm 2010, quy định “ Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần chào bán của từng loại, sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, tổ chức giải thể... thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp nhận”.

Theo khoản 1 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định điều kiện đề Nghị quyết được thông qua :

“ 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, tỷ lệ cụ thể do Điều lệ Công ty quy định:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại
- b) Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định
- đ) Tổ chức, giải thể Công ty
- e) Các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định

2. Các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này”.

Như vậy Luật Doanh nghiệp chỉ quy định ít nhất 65% tổng số phiếu, còn tỷ lệ cụ thể do Điều lệ năm 2010 của Công ty CP thương mại L1 đang có hiệu lực quy định tỷ lệ ít nhất là 75% không trái với Luật Doanh nghiệp.

Vì vậy, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 29/6/2016 thông qua nội dung sửa đổi điều lệ và tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 69,7% là không đủ tỷ lệ để thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty năm 2010 do đó chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty L.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và quyết định đối với yêu cầu của Tổng công ty L có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng phúc thẩm giải quyết việc dân sự xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty L1, giữ nguyên quyết định của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về lệ phí: Công ty L1 phải chịu lệ phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 375 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 31; Điều 37; Điều 38; Điều 373; Điều 374; Điều 375 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 142; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 148 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty L1.

Giữ nguyên Quyết định giải quyết việc kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội:

- Chấp nhận yêu cầu của Tổng công ty L - Công ty cổ phần về việc hủy bỏ một phần Nghị quyết số 03/2016 – ĐHĐCĐ ngày 29/6/2016 của Công ty L1.

Hủy bỏ Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 03/2016- ĐHĐCĐ ngày 29/6/2016 của Công ty L1.

- Về lệ phí sơ thẩm: Tổng công ty L - Công ty cổ phần phải nộp 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc kinh doanh thương mại được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003429 ngày 10/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Hoàn lại cho Tổng công ty L – Công ty cổ phần số tiền 2.700.000 đồng.

2. Về lệ phí phúc thẩm: Công ty L1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3943 ngày 10/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15/12/2020.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Hai Bà Trưng;
- CCTHADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc, TKT, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỌP
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Xuân Tuấn